

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
Về việc “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tiềm.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Ngọc T**, sinh năm 1983. *(Xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 90, khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1978. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 90, khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày:**

Vào năm 2005, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Văn Th đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Văn Liêm ngày 13/10/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

khoảng tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, anh Th nhiều lần chửi mắng, xúc phạm cha mẹ chị. Chị đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L (nữ, sinh ngày 12/5/2012) và cháu Nguyễn Chí K (nam, sinh ngày 07/4/2016). Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại Bản tự khai ngày 31/5/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:***

Anh thống nhất với trình bày của chị Đỗ Thị Ngọc T về quá trình hôn nhân của anh và chị T. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình do chị T không rõ ràng về tiền bạc nên khi có rượu vào anh đã có những lời chửi mắng khiến cho chị T buồn và làm đơn ly hôn với anh. Do anh vẫn còn thương vợ con nên anh yêu cầu được đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L (nữ, sinh ngày 12/5/2012) và cháu Nguyễn Chí K (nam, sinh ngày 07/4/2016). Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L đến trưởng thành; anh đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh và chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Th không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý giao cháu L và cháu K cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đỗ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2005, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Anh Th cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình và anh đã có những lời chửi mắng chị T. Tuy nhiên, do anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị T và anh Th đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Th. Tại đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 02/6/2023, chị T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra, theo anh Th thì anh và chị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Mặc dù anh Th có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Th là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh Th cùng xác định, trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng L (nữ, sinh ngày 12/5/2012) và cháu Nguyễn Chí K (nam, sinh ngày 07/4/2016) hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh Th đồng ý.

Đồng thời, cháu L và cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự và sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật; đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu K nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Th cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng L (nữ, sinh ngày 12/5/2012) và cháu Nguyễn Chí K (nam, sinh ngày 07/4/2016) cho chị Đỗ Thị Ngọc T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Nguyễn Văn Th không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu L và cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn Th cùng xác định không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Ngọc T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003600 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế